

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP và kinh tế - xã hội tháng 7, nhiệm vụ trọng tâm tháng 8 năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi**

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Trong tháng 7, tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ được tỉnh tiếp tục thực hiện tích cực; tổ chức thực hiện nghiêm túc và bám sát các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về Chương trình công tác năm 2019 của UBND tỉnh; tiếp tục quán triệt và nghiêm túc thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy về nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành.

#### **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH THÁNG 7 NĂM 2019**

##### **1. Lĩnh vực kinh tế**

##### **a) Sản xuất công nghiệp, đầu tư và xây dựng**

- Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp trong tháng ước đạt 10.446 tỷ đồng<sup>1</sup>, tăng 12,3% so với tháng trước, tăng 11,4% so với tháng 7/2018. Lũy kế 7 tháng, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 69.370 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước và đạt 56,6% kế hoạch năm (nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tăng 27,4%). Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 54.439 tỷ đồng, giảm 2,7%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 11.635 tỷ đồng, tăng 37% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 3.296 tỷ đồng, tăng 18,3%.

- Vốn đầu tư công

Tổng vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước năm 2019 đã được phân khai là 4.934,811 tỷ đồng<sup>2</sup>; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 3.823 tỷ đồng<sup>3</sup>; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.111,811 tỷ đồng<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> Theo giá CĐ 2010.

<sup>2</sup> Bao gồm: (1) Vốn cân đối NSĐP là 3.823 tỷ đồng; (2) Vốn NSTW là 1.061,811 tỷ đồng; Không bao gồm 250 tỷ đồng vốn bội chi ngân sách địa phương.

<sup>3</sup> Bao gồm: (1) 3.063 tỷ đồng từ nguồn vốn trong cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức; (2) 675 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất; và (3) 85 tỷ đồng vốn xổ số kiến thiết.

Đến ngày 20/7/2019, tổng giá trị giải ngân là 1.943,767 tỷ đồng, đạt 39,4% kế hoạch, trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 1.454,52 tỷ đồng, đạt 38% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân 489,248 tỷ đồng, đạt 44% kế hoạch.

## **b) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

### **- Nông nghiệp**

*Về trồng trọt:* Lúa vụ Hè - Thu gieo sạ được 33.816,3 ha, giảm 1,0% so với cùng vụ năm 2018. Thời tiết nắng hạn gay gắt tiếp tục kéo dài, lượng nước của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh chỉ còn 18% dung tích thiết kế; có 54/123 hồ chứa không còn nước<sup>5</sup>; có 48/123 hồ chứa nước có dung tích trừ nước chỉ còn 10-20% dung tích thiết kế<sup>6</sup>. Đến nay, có khoảng 3.008 ha cây trồng bị thiếu nước<sup>7</sup>; có 07 ha lúa bị xâm nhập mặn, làm giảm năng suất<sup>8</sup>; diện tích lúa Hè - Thu bị hạn khoảng 2.761 ha. Ngoài ra, do nắng hạn gây thiếu nước tưới và xâm nhập mặn nên 1.152 ha diện tích đất nông nghiệp không sản xuất được<sup>9</sup>; tỉnh đã triển khai thực hiện các biện pháp cấp bách trong giai đoạn hạn hán gay gắt đang diễn ra để duy trì nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất vụ Hè - Thu 2019.

*Về chăn nuôi:* Chăn nuôi đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi và nguồn thức ăn tự nhiên của trâu, bò bị hạn chế do nắng hạn kéo dài. Ước tính tại thời điểm cuối tháng, đàn trâu đạt 70.292 con, giảm 0,2% so với cùng thời điểm năm 2018; đàn bò đạt 277.415 con, giảm 0,2%; đàn lợn đạt 398.010 con, giảm 0,3%; đàn gia cầm đạt 5.304 ngàn con, giảm 0,9%. Bệnh dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 6 huyện<sup>10</sup> và có xu hướng tăng so với tháng trước; đã tiêu hủy bắt buộc toàn bộ số lợn phát hiện mắc bệnh.

### **- Lâm nghiệp**

Diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 389 ha, giảm 2,5% so với cùng tháng năm 2018; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 133.372 m<sup>3</sup>, tăng 8,9%. Lũy kế 7 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 6.880 ha, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2018; sản lượng gỗ khai thác đạt 764.051 m<sup>3</sup>, tăng 7,5%. Trong tháng, phát hiện 36 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 7, toàn tỉnh phát hiện 159 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, trong đó, có 32 vụ phá rừng<sup>11</sup>, tăng 14 vụ (tăng 10,98 ha) so với cùng kỳ năm 2018.

<sup>4</sup> Bao gồm: (1) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới là 283 tỷ đồng (phần vốn đầu tư phát triển); (2) Vốn Chương trình mục tiêu là 348.661 tỷ đồng; (3) Nguồn vốn ODA là 110,214 tỷ đồng; (4) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 369,936 tỷ đồng.

<sup>5</sup> Huyện Bình Sơn: 28 hồ, Sơn Tịnh: 06 hồ, Tư Nghĩa: 03 hồ, Mộ Đức: 01 hồ, Đức Phổ: 03 hồ, Sơn Hà: 01 hồ, Trà Bồng: 05 hồ, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi: 07 hồ chứa lớn, gồm: Đá Bàn, Hóc sầm, Mạch Điếu Sở Hầu, Diên Trường, Cây Sanh, Huân Phong.

<sup>6</sup> Trong đó có nhiều hồ quy mô lớn như: Núi Ngang (Ba Tơ); Liệt Sơn, An Thọ (Đức Phổ); Hồ Quýt, Hồ Tre, Cây Bứa (Sơn Tịnh), Hóc Dọc, Gia Hội, An Hội (Bình Sơn).

<sup>7</sup> Trong đó, Bình Sơn: 599 ha, Sơn Tịnh: 644 ha, TP. Quảng Ngãi: 40 ha, Tư Nghĩa: 150 ha, Mộ Đức: 505 ha, Đức Phổ: 680 ha, Ba Tơ: 55 ha, Minh Long: 40 ha, Sơn Hà: 220 ha, Trà Bồng: 35 ha, Tây Trà: 40 ha.

<sup>8</sup> Gồm: Xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi và xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ.

<sup>9</sup> Trong đó, Bình Sơn: 242 ha, Sơn Tịnh: 37 ha, TP. Quảng Ngãi: 20 ha, Tư Nghĩa: 60 ha, Mộ Đức: 50 ha, Đức Phổ: 550 ha, Ba Tơ: 33 ha, Sơn Hà: 90 ha, Trà Bồng: 25 ha, Tây Trà: 45 ha.

<sup>10</sup> Gồm các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh.

<sup>11</sup> Phá rừng với tổng diện tích 15,41 ha.

Do thời tiết nắng nóng, trong tháng xảy ra 11 vụ cháy rừng<sup>12</sup> với tổng diện tích thiệt hại là 54,4 ha<sup>13</sup>. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 26 vụ cháy rừng với tổng diện tích 82,33 ha.

- Thủy sản

Sản lượng thủy sản ước đạt 21.398 tấn, tăng 11,3% so với tháng 7/2018; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 20.806 tấn, tăng 11,4%; sản lượng nuôi thu hoạch ước đạt 592 tấn, tăng 8,6%. Ước tính 7 tháng, sản lượng thủy sản đạt 155.677 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 152.333 tấn, tăng 7,2%; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.343 tấn, giảm 3,4%.

**c) Thương mại và dịch vụ**

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* ước đạt 4.729 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 10,7% so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng ước đạt 32.230 tỷ đồng<sup>14</sup>, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước và đạt 57,6% kế hoạch năm.

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)* tăng 0,21% so với tháng trước; tăng 1,27% so với tháng 12 năm trước; tăng 2,79% so với cùng tháng năm trước; CPI bình quân 7 tháng tăng 2,72% so với cùng kỳ năm 2018.

*Kim ngạch xuất khẩu* ước đạt 65,9 triệu USD, giảm 4,2% so với tháng trước, tăng 54% so với tháng 7/2018. Lũy kế 7 tháng ước đạt 458,1 triệu USD, tăng 50,2% so với cùng kỳ năm trước và đạt 81,8% kế hoạch năm.

*Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 79,6 triệu USD, giảm 14,8% so với tháng trước, giảm 10,7% so với tháng 7/2018. Lũy kế 7 tháng ước đạt 452 triệu USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước và đạt 73,5% kế hoạch năm.

*Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)*: Doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải ước đạt 362,7 tỷ đồng, tăng 1,35% so với tháng trước và tăng 4,98% so với tháng 7/2018. Lũy kế 7 tháng ước đạt 2.464,1 tỷ đồng, tăng 12,02% so với cùng kỳ năm trước.

**d) Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 1.015 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa ước đạt 861 tỷ đồng<sup>15</sup>, thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 154 tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng, ước đạt 10.727 tỷ đồng, bằng 98,2% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 54,3% dự toán năm; trong đó, thu nội địa đạt 8.788 tỷ đồng<sup>16</sup>, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm trước và đạt 51,2% dự toán năm, thu hoạt động xuất nhập khẩu 1.939 tỷ đồng, tăng 73,2% và đạt 74,6% dự toán năm.

<sup>12</sup> Xảy ra tại 4 huyện: Bình Sơn 3 vụ, Sơn Tịnh 3 vụ, Đức Phổ 3 vụ và Sơn Hà 2 vụ.

<sup>13</sup> Trong đó, Bình Sơn 13 ha, Sơn Tịnh 4,3 ha, Đức Phổ 32 ha, Sơn Hà 5,1 ha.

<sup>14</sup> Xét theo loại hình kinh tế, kinh tế nhà nước ước đạt 2.072,7 tỷ đồng, tăng 14,79%; kinh tế tập thể ước đạt 8,4 tỷ đồng, giảm 5,22%; kinh tế cá thể ước đạt 23.207,8 tỷ đồng, tăng 9,38%; kinh tế tư nhân ước đạt 6.926,7 tỷ đồng, tăng 10,17%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 13,9 tỷ đồng, tăng 3,44%.

<sup>15</sup> Trong tổng thu nội địa, nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 410 tỷ đồng.

<sup>16</sup> Trong tổng thu nội địa, thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 7 tháng năm 2019 ước đạt 4.731 tỷ đồng, bằng 72,3% so với cùng kỳ năm trước và đạt 40,9% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương khoảng 1.031 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng khoảng 6.030 tỷ đồng, bằng 116,4% so với cùng kỳ năm trước và đạt 40,2% so với dự toán năm.

#### **đ) Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp**

*Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI):* Trong tháng 7/2019, tỉnh chưa cấp mới dự án FDI nào. Lũy kế 7 tháng, đã cấp mới 02 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 28 triệu USD. Tính đến thời điểm 24/7/2019, toàn tỉnh có 63 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.789,9 triệu USD.

*Tình hình đầu tư trong nước:* Toàn tỉnh có 06 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 1.929,6 tỷ đồng<sup>17</sup>. Lũy kế 7 tháng, có 73 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 16.128 tỷ đồng<sup>18</sup>.

*Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:* Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng tính đến ngày 20/7/2019 là 82 doanh nghiệp<sup>19</sup>, có 23 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, 17 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, 05 doanh nghiệp hoạt động trở lại. Lũy kế 7 tháng, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 690 doanh nghiệp<sup>20</sup>, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2018; có 222 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 32%; 97 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng 94%; 131 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 72%.

#### **e) Tài nguyên môi trường**

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường. Chỉ đạo các ngành, các cấp khắc phục các tồn tại về tài nguyên và môi trường, xây dựng kế hoạch, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

### **2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

#### **a) Giáo dục và đào tạo**

Tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 tại 31 điểm thi với hơn 12.700 thí sinh tham dự. Hoàn thành việc chấm thi và công bố kết quả thi theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT năm 2019 trên địa bàn tỉnh là 85,92%, thấp hơn gần 7% so với kỳ thi năm 2018<sup>21</sup>.

Công bố điểm chuẩn và kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2019 - 2020; chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo thi tuyển sinh theo

<sup>17</sup> Trong đó: 02 dự án ngoài KKT, KCN với tổng vốn đăng ký khoảng 15,2 tỷ đồng; 04 dự án trong KKT, KCN với tổng vốn đăng ký là 1.914,4 tỷ đồng.

<sup>18</sup> Trong đó: 47 dự án ngoài khu KKT, KCN với tổng vốn đăng ký là 3.202 tỷ đồng, 26 dự án trong KKT, KCN với tổng vốn đăng ký là 12.926 tỷ đồng.

<sup>19</sup> Trong đó: 02 DNTN, 19 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 33 công ty TNHH MTV, 13 công ty cổ phần và 15 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

<sup>20</sup> Trong đó, có 04 doanh nghiệp tư nhân, 160 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 278 công ty TNHH MTV, 75 công ty cổ phần. Ngoài ra, có 173 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

<sup>21</sup> Trong đó hệ THPT đỗ 88,15% và hệ GDTX đỗ 45,1%.

quy định. Chuẩn bị ấn phẩm thi, ra đề thi và các nội dung có liên quan kỳ thi tuyển viên chức giáo viên công lập năm 2019; có 08 huyện, thành phố<sup>22</sup> tổ chức thi tuyển với 3.361 thí sinh đăng ký dự thi.

### **b) Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Tập trung tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân. Trong tháng, có 141 ca bệnh Tay - Chân - Miệng, 165 ca mắc sốt xuất huyết. Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được triển khai đúng tiến độ, nhất là công tác phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến, tiêm chủng mở rộng, dân số và phát triển, phòng chống HIV/AIDS và an toàn thực phẩm.

Chỉ đạo tăng cường phối hợp triển khai các hoạt động phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; hướng dẫn bảo vệ môi trường trong việc chôn lấp, tiêu hủy lợn bị dịch tả Châu Phi.

### **c) Lao động - Thương binh và Xã hội**

Các chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo, chính sách đối với người có công được quan tâm triển khai kịp thời<sup>23</sup>. Các hoạt động tưởng niệm, tri ân các anh hùng Liệt sĩ nhân 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ được tổ chức sâu rộng, thiết thực, nghĩa tình. Giải quyết 224 người hưởng các chế độ, chính sách người có công với cách mạng. Tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh năm 2019; tổ chức Chương trình “Hành trình cuộc sống” trao tặng 200 chiếc xe đạp và 05 hợp đồng bảo hiểm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập.

### **d) Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Triển khai các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, các hoạt động văn hóa, văn nghệ kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh Quảng Ngãi; Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi; kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ; 90 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam; 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 50 năm Ngày mất của Người; hướng dẫn tuyên truyền kỷ niệm các ngày Lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong 6 tháng cuối năm 2019... và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

*Các hoạt động thể dục, thể thao:* Tổ chức Giải Dù lượn tỉnh Quảng Ngãi mở rộng lần thứ I năm 2019 tại Lý Sơn; tổ chức Giải Bóng đá Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh. Các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia thi đấu 03 giải toàn quốc<sup>24</sup> được 04 Huy chương Vàng, 06 Huy chương Bạc và 04 Huy chương Đồng.

<sup>22</sup> Gồm: Ba Tơ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi.

<sup>23</sup> Tổ chức đưa 06 đối tượng người có công tiêu biểu đi dự hội nghị biểu dương thương binh nặng tiêu biểu toàn quốc năm 2019 tại thành phố Hà Nội; đưa 04 đối tượng là thân nhân liệt sĩ đi tỉnh Vĩnh Long dự Lễ trao Bằng Tổ quốc ghi công...

<sup>24</sup> Giải Vô địch trẻ và thiếu niên Võ Cổ truyền, kết quả đạt: 02 huy chương Vàng và 01 huy chương Đồng; Giải Vô địch trẻ Vovinam, kết quả đạt: 01 huy chương Vàng, 01 huy chương Bạc và 01 huy chương Đồng; Giải Vô địch trẻ Kickboxing, kết quả đạt: 01 huy chương Vàng, 05 huy chương Bạc và 02 huy chương Đồng.

*Về du lịch:* Trong tháng 7/2019, lượng khách đến tham quan tại tỉnh ước đạt 126.500 lượt người<sup>25</sup>, tăng 5% so với tháng trước và tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu ước đạt 127 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2018.

#### **d) Thông tin, truyền thông và Phát thanh, truyền hình**

Tập trung tuyên truyền các sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh trong tháng. Tổ chức Gặp mặt báo chí nhân kỷ niệm 94 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam; quản lý báo chí tác nghiệp tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh năm 2019 và Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh. Phối hợp với Cục Thông tin cơ sở - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền biển, đảo tại huyện Lý Sơn. Hoạt động bưu chính ổn định, duy trì thường xuyên công tác đưa tin, báo chí, bưu phẩm đến cơ sở; hoạt động viễn thông vận hành an toàn, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt.

#### **e) Khoa học và Công nghệ**

Tiếp tục theo dõi, quản lý các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ năm 2019 và các nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2018 sang. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện năm 2020. Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về thị trường công nghệ, an toàn bức xạ, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

### **3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và quốc phòng an ninh**

#### **a) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo**

Thực hiện 03 cuộc thanh tra, kiểm tra kỳ trước chuyển sang<sup>26</sup>; đồng thời triển khai 01 cuộc thanh tra theo Kế hoạch năm 2019<sup>27</sup> và 01 cuộc thanh tra đột xuất<sup>28</sup>. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

#### **b) Công tác tư pháp**

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tổ chức triển khai thực hiện tốt, đảm bảo đúng kế hoạch với chất lượng ngày càng đi vào chiều sâu. Công tác hành chính tư pháp, hoạt động trợ giúp pháp lý được tích cực thực hiện.

<sup>25</sup> Trong đó: khách quốc tế ước đạt 11.800 lượt, tăng 20% so với tháng 6 và tăng 18% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>26</sup> Gồm, Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất Rạp Chiếu bóng 1/5 (cũ); Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa và việc thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật và kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành liên quan đến vụ việc tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành.

<sup>27</sup> Thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, môi trường, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 04 dự án đầu tư khu dân cư, nhà ở trên địa bàn tỉnh.

<sup>28</sup> Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng nhà, đất công sản trên địa bàn các huyện: Sơn Tây, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Minh Long, Trà Bồng, Tây Trà và Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

### **c) Công tác Nội vụ**

Công tác tổ chức bộ máy, biên chế luôn được rà soát, đổi mới theo quy định. Đã thực hiện báo cáo Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan tổ chức, hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 và giao biên chế sự nghiệp y tế xã năm 2019; thông báo danh sách đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2019 cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện.

Công tác cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện công khai, kịp thời. Đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công chức lãnh đạo quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính tại một số cơ quan, đơn vị. Tổ chức cuộc họp Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số CCHC năm 2019 và những năm tiếp theo của tỉnh.

### **d) Công tác Ngoại vụ**

Trong tháng, tiếp và làm việc với 02 đoàn khách ngoại giao<sup>29</sup>; hướng dẫn, quản lý 32 đoàn vào với 179 lượt khách nước ngoài<sup>30</sup> đến thăm, làm việc, hợp tác đầu tư, viện trợ nhân đạo và hỗ trợ phát triển; xúc tiến, vận động viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài đạt gần 1,7 tỷ đồng với 02 chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong tháng 7/2019, không có ngư dân và tàu thuyền của tỉnh ta bị nước ngoài bắt giữ; có 03 tàu cá bị lực lượng chức năng Trung Quốc ngăn cản, lấy tài sản và hải sản; đã phối hợp xác minh vụ việc, kịp thời báo cáo, đề nghị Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao có biện pháp đấu tranh, can thiệp các vụ việc trên với phía Trung Quốc. Tiếp tục phối hợp với Cục Lãnh sự và các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài đưa 08 ngư dân còn lại bị nước ngoài bắt giữ<sup>31</sup>.

### **đ) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**

Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo giữ vững, ổn định quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các ngành, các cấp và nhân dân địa phương nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Trong tháng, toàn tỉnh xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông<sup>32</sup>, làm chết 10 người, bị thương 08 người. Tính chung 7 tháng, xảy ra 76 vụ tai nạn giao thông, làm chết 80 người, bị thương 31 người.

<sup>29</sup> Đoàn Tổng Lãnh sự Hoàng gia Thái Lan tại TP. HCM và Đoàn Đại Sứ quán Úc tại TP. Hà Nội và Cơ quan Thương mại và Đầu tư Úc.

<sup>30</sup> Số đoàn khách nước ngoài đến tỉnh trong tháng 7 tăng cao, nguyên nhân là tham dự Hội nghị Xúc tiến Đầu tư năm 2019, Hội thảo quốc tế về Giá trị Di sản Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh, Giải Dù lượn tỉnh Quảng Ngãi mở rộng lần thứ 1 nhân dịp chào mừng kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh và hưởng ứng Năm Du lịch Quốc gia, Tuần lễ Văn hóa và Du lịch lần thứ II.

<sup>31</sup> Trong đó, Solomon: 03 người, Papua New Guinea: 04 người, Malaysia: 01 người.

<sup>32</sup> Trong đó, xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 08 người, bị thương 05 người; xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 02 người, bị thương 03 người.

**Tóm lại:** Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7/2019 đạt nhiều kết quả khả quan như: Giá trị sản xuất công nghiệp, sản lượng khai thác thủy sản, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, kim ngạch xuất khẩu, doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới, lượng khách lưu trú tăng so với cùng kỳ năm 2018.

Các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin, truyền truyền, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ được thực hiện hiệu quả, kịp thời. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh và phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động tiếp tục được chú trọng thực hiện. Quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh gặp một số khó khăn như: tình trạng nắng hạn kéo dài gây thiếu nước cho trồng trọt và chăn nuôi làm ảnh hưởng đến năng suất ngành nông nghiệp, bệnh dịch tả lợn Châu Phi có xu hướng tăng so với tháng trước, giá thịt lợn hơi trên thị trường dao động ở mức thấp, người chăn nuôi e ngại tăng đàn, tình trạng cháy rừng liên tiếp xảy ra; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp, thu ngân sách giảm so với cùng kỳ, tranh chấp, khiếu kiện liên quan vấn đề đất đai, ô nhiễm môi trường diễn biến còn phức tạp...

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TRONG THÁNG 8 NĂM 2019**

Đề thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác tháng 8/2019 và trong thời gian tới, cần tiếp tục bám sát và triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về Chương trình công tác năm 2019 của UBND tỉnh, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khẩn trương triển khai các Nghị quyết đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XII; đặc biệt là Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019. Tập trung giải quyết, xử lý các kiến nghị của đại biểu HĐND và các kiến nghị của cử tri.

2. Tập trung hoàn thành xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công năm 2020; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022.

3. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè - Thu năm 2019; theo dõi tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm; tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y các điểm giết mổ, tụ điểm mua bán, phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm. Tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng. Triển khai phương án vận hành, bảo đảm an toàn cho các đập, hồ chứa trong mùa mưa bão.

4. Quyết liệt thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đẩy



mạnh thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; tổ chức thanh tra, kiểm tra thực tế, làm rõ nguyên nhân giải ngân chậm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, thu hồi kế hoạch đầu tư công đã giao cho chủ đầu tư nhưng không giải ngân.

5. Tiếp tục thực hiện và có giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế liên quan đến lĩnh vực môi trường và y tế theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Báo cáo số 105/BC-HĐND ngày 03/7/2019.

6. Nghiêm túc và tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước, quản lý chi ngân sách địa phương theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 29/01/2019 và các quy định, hướng dẫn có liên quan của Trung ương và của tỉnh trong thời gian qua.

7. Tiếp tục tăng cường tuần tra, kiểm soát, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; đảm bảo chế độ trực chỉ huy, trực chiến đấu, trực ban để giải quyết kịp thời khi có tình huống đột xuất xảy ra; tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Bộ Tư lệnh Quân Khu V;
- Vụ III Văn phòng TW Đảng tại Đà Nẵng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH; VP HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu VT, THptth240.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tăng Bính**

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU THÁNG 7 NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 170/BC-UBND, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| Chỉ tiêu                                       | Đơn vị tính          | Kế hoạch năm 2019 | Ước TH tháng 7/2019 | Lũy kế 7 tháng năm 2019 | % TH lũy kế so với cùng kỳ 2018 | % TH lũy kế so với KH năm 2019 |
|--|----------------------|-------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>1. Nông nghiệp</b>                          |                      |                   |                     |                         |                                 |                                |
| - Tổng diện tích lúa Đông Xuân                 | Ha                   | 34,996            |                     | 33,816                  | 99.0                            | 96.6                           |
| <b>2. Thủy sản</b>                             |                      |                   |                     |                         |                                 |                                |
| - Sản lượng thủy sản đánh bắt                  | Tấn                  | 234,737           | 21,398              | 155,677                 | 107.0                           | 66.3                           |
| <b>3. Công nghiệp</b>                          |                      |                   |                     |                         |                                 |                                |
| * Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) | Tỷ đồng              | 122,579           | 10,446              | 69,370                  | 103.2                           | 56.6                           |
| <b>* Một số sản phẩm chủ yếu:</b>              |                      |                   |                     |                         |                                 |                                |
| - Thủy sản chế biến                            | Tấn                  | 11,900            | 930                 | 6,661                   | 102.7                           | 56.0                           |
| - Đường RS (Trên địa bàn tỉnh)                 | Tấn                  | 12,900            |                     | 9,713                   | 75.3                            | 75.3                           |
| - Bánh kẹo các loại                            | Tấn                  | 14,000            | 986                 | 7,340                   | 97.7                            | 52.4                           |
| - Sữa các loại                                 | 1.000 lít            | 104,000           | 9,256               | 57,640                  | 111.2                           | 55.4                           |
| - Bia  | 1.000 lít            | 177,000           | 17,598              | 108,408                 | 111.9                           | 61.2                           |
| - Nước khoáng                                  | 1.000 lít            | 89,000            | 9,766               | 61,829                  | 126.4                           | 69.5                           |
| <b>- Lọc hóa dầu</b>                           | <b>Tấn</b>           | <b>6,619,000</b>  | <b>593,002</b>      | <b>3,994,047</b>        | <b>97.1</b>                     | <b>60.3</b>                    |
| - Phân bón hóa học                             | Tấn                  | 34,000            | 2,215               | 22,308                  | 101.3                           | 65.6                           |
| - Gạch xây các loại                            | 1.000 viên           | 480,000           | 49,120              | 281,724                 | 103.1                           | 58.7                           |
| - Đá khai thác các loại                        | 1.000 m <sup>3</sup> | 1,500.0           | 136.620             | 718                     | 88.5                            | 47.9                           |
| - Tinh bột mì (Trên địa bàn tỉnh)              | Tấn                  | 50,000            |                     | 25,154                  | 148.7                           | 50.3                           |
| - Quần áo may sẵn                              | 1.000 sp             | 17,000            | 1,200               | 8,025                   | 97.5                            | 47.2                           |
| - Điện sản xuất                                | Triệu kw/h           | 600               | 60                  | 539                     | 166.4                           | 89.9                           |
| - Điện thương phẩm                             | Triệu kw/h           | 1,400             | 165                 | 820                     | 135.3                           | 58.5                           |
| - Nước máy                                     | 1000m <sup>3</sup>   | 13,500            | 1,437               | 9,240                   | 117.3                           | 68.4                           |

|   |           |         |         |          |         |       |
|---|-----------|---------|---------|----------|---------|-------|
| - Dăm bột giấy  | Tấn       | 800,000 | 122,586 | 698,072  | 127.2   | 87.3  |
| - Tai nghe  | 1.000 cái | 30,000  | 1,345   | 10,767   | 38.1    | 35.9  |
| - Cuộn cảm  | 1.000 cái | 120,000 | 7,750   | 49,330   | 70.7    | 41.1  |
| - Giày da các loại  | 1.000 đôi | 1,400   | 620     | 3,662    | 198.7   | 261.6 |
| - Thép xây dựng   | 1.000 tấn | 1,000   | 50      | 230      |         | 23.0  |
| <b>4. Thương mại</b>  |           |         |         |          |         |       |
| - Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ                           | Tỷ đồng   | 55,947  | 4,729   | 32,229.5 | 109.9   | 57.6  |
| - Kim ngạch xuất khẩu   | Triệu USD | 560     | 65.9    | 458.1    | 150.2   | 81.8  |
| <i>* Mặt hàng XK chủ yếu</i>                                    |           |         |         |          |         |       |
| + Thủy sản  | "         | 18      | 1.7     | 11.6     | 122.6   | 64.5  |
| + Tinh bột mỳ   | "         | 80      | 8.2     | 62.3     | 104.8   | 77.8  |
| + Đồ gỗ   | "         | 4       | 0.3     | 2.8      | 107.6   | 70.3  |
| + Dăm gỗ nguyên liệu giấy                                       | "         | 110     | 12.0    | 96.4     | 181.3   | 87.6  |
| + May mặc   | "         | 21      | 2.1     | 14.5     | 120.7   | 69.2  |
| + Thực phẩm chế biến khác                                       | "         | 9       | 0.4     | 4.2      | 83.7    | 46.5  |
| + Sản phẩm cơ khí   | "         | 100     | 8.8     | 71.5     | 136.7   | 71.5  |
| + Dầu FO  | "         | 75      | 6.7     | 45.9     | 105.5   | 61.2  |
| + Sợi, sợi dệt các loại   | "         | 81      | 10.4    | 62.8     | 201.7   | 77.5  |
| + Điện tử các loại và linh kiện                                 | "         | 10      | 1.0     | 5.6      | 111.9   | 56.4  |
| + Giày dép các loại   | "         | 42      | 6.4     | 46.1     | 169.4   | 109.8 |
| + Hàng hoá khác   | "         | 10      | 7.7     | 34.4     | 836.1   | 344.4 |
| - Kim ngạch nhập khẩu   | Triệu USD | 615     | 79.6    | 452      | 101.2   | 73.5  |
| <i>* Mặt hàng NK chủ yếu</i>                                    |           |         |         |          |         |       |
| + Máy móc, phụ tùng thay thế                                    | "         | 80      | 3.4     | 30.2     | 10.1    | 37.7  |
| + Sắt thép  | "         | 40      | 7.5     | 45.2     | 181.7   | 113.0 |
| + Dầu thô   | "         | 250     | 44.3    | 184.9    | 325.2   | 74.0  |
| + Vải và nguyên phụ liệu may mặc                                | "         | 80      | 5.6     | 47.9     | 150.1   | 59.8  |
| + Bông các loại   | "         | 60      | 9.1     | 56.9     | 232.2   | 94.9  |
| + Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo | "         | 5       | 0.7     | 5.7      | 105.4   | 114.9 |
| + Hàng hóa khác   | "         | 100     | 9.0     | 81.1     | 1,403.4 | 81.1  |
| <b>5. Thu - Chi ngân sách</b>                                   |           |         |         |          |         |       |

|  |         |        |       |        |       |      |
|--|---------|--------|-------|--------|-------|------|
| - Tổng thu ngân sách nhà nước                      | Tỷ đồng | 20,000 | 1,015 | 10,734 | 98.2  | 53.7 |
| - Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn | Tỷ đồng | 19,750 | 1,015 | 10,727 | 98.2  | 54.3 |
| <i>Trong đó:</i> - Thu nội địa                     | "       | 17,150 | 861   | 8,788  | 89.7  | 51.2 |
| <i>+ Trg đó: Thu từ NM lọc dầu</i>                 | "       | 11,580 | 410   | 4,731  | 72.3  | 40.9 |
| - Thu hoạt động XNK                                | "       | 2,600  | 155   | 1,939  | 173.2 | 74.6 |
| - Tổng chi ngân sách địa phương                    | "       | 16,757 | 1,188 | 6,631  | 113.7 | 39.6 |